

Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 26 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Tấn S, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 27, B2, phường MT, quận ST, thành phố N.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Tấn S, sinh năm: 1983 và chị Trần Thị Kim L, sinh năm: 1984 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2008 do Ủy ban nhân dân xã HL, huyện NĐ, tỉnh H ký ngày 11/7/2008 đã cấp cho anh Bùi Tấn S và chị Trần Thị Kim L không còn giá trị pháp lý*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Anh Bùi Tấn S và chị Trần Thị Kim L tự nguyện thỏa thuận với nhau là giao cháu Bùi Tân D, sinh ngày: 16/11/2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Tấn S và chị Trần Thị Kim L đã thỏa thuận với nhau là anh Bùi Tấn S phải cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng theo quý. Thời gian tính đóng cấp dưỡng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Bùi Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Tấn S chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Bùi Tấn S và chị Trần Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Tấn S và chị Trần Thị Kim L đã thỏa thuận với nhau là anh S phải chịu nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng. Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nay được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh S đã nộp tại biên lai số AA/2011/000686 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Minh Thước